TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** **THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-06-2018
V/v tranh chấp*: "Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thọ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có bà : Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1253/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2018, Quyết định tạm hoãn phiên toà số: 199/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/06/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Ngọc Đ; sinh năm 1984; cư trú tại số B6/102, A2, xã T, huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh (bà Đ có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn H; sinh năm 1980; cư trú tại số B6/102, A2, xã T, huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh. (ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Bà và ông Ngô Văn H chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2006 ngày 14/07/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian đã có 02 con chung là trẻ Ngô Như Q, sinh ngày 14/9/2007 và trẻ Ngô Xuân Đ, sinh ngày 16/11/2012 hiện cả hai con đang sống với mẹ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, ông H không lo làm ăn phụ bà nuôi con thường xuyên ghen tuông vơ cớ và có những lời nói làm xúc phạm xem thường bà, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, từ năm 2016 vợ chồng chính thức ly thân, mặc dù bà đã cố gắng nhiều lần hòa giải khuyên bảo nhưng ông H không thay đổi nên từ đó không ai còn quan tâm đến ai trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Ngô Văn H và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn để bà ổn định cuộc sống riêng làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Ngô Như Q, sinh ngày 14/9/2007; trẻ Ngô Xuân Đ, sinh ngày 16/11/2012, hiện đang sống với mẹ là bà Đ. Nay ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu để hai bên tự giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

- Bị đơn ông Ngô Văn H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt triệu tập ông H đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông H vẫn không đến vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc, tiến hành các thủ tục niêm yết để xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Văn H, yêu cầu tiếp tục được nuôi con cả hai con, bà tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung bà xác định không có, nợ chung bà xác định không có.

- Bị đơn ông Ngô Văn H vắng tại phiên tòa.

- Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến quan điểm về tố tụng và nội dung qua quá trình kiểm sát cụ thể:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn

bị xét xử : Thẩm phán đã chấp hành đúng cácc quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, việc xác định thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến Điều 97 BLTTDS.Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS. Tuy nhiên, chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện KSND huyện BC, thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS; tiến hành thủ tục khai mạc phiên tòa, thủ tục hỏi theo đúng quy định tại các Điều 239, Điều 249 BLTTDS; xét xử trực tiếp, bằng lời nói theo quy định tại Điều 225 BLTTDS. Đương sự không có ý kiến về việc thay đổi những người tham gia tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn ông Ngô Văn H không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ nộp đơn khởi kiện về " Tranh chấp ly hôn " với bị đơn ông Ngô Văn H, Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án dân sự số 1253/2017/TLST-HNGĐ. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95/2006, ngày 14/07/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện BC có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các bản tự khai, bà Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã kéo dài, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn. theo Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã T ngày 19/12/2017 thì " Trong quá trình chung sống thì bà Đ và ông H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. hiện tại mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng thực tế đã ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay ". Theo biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Ngô Như Q thì trẻ có nguyện vọng được sống tiếp cùng với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Tuy mâu thuẫn chưa được chính quyền địa phương và người than hòa giải nhưng ông H không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án do đó có cơ sở xác định bị đơn không thiện chí và không mong muốn đoàn tụ gia đình. Nên xét yêu cầu của bà Đ xin ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung yêu cầu của bà Đ được tiếp tục nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là có cơ sở để chấp nhận. Về tài sản chung bà Đ không yêu cầu giải quyết.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Đ. Án phí bà Đ chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn H. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Ngô Văn H có địa chỉ cư trú tại số B6/102, A2, xã T, huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc Đ được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Ngô Văn H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2006 ngày 14/07/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét bị đơn ông Ngô Văn H, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu ly hôn của bà Đ, thông báo về việc mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc, tiến hành niêm yết các thủ tục thông báo về việc xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Ngô Văn H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Ngô Văn H theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ về việc ly hôn với ông Ngô Văn H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Đ tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như và tại phiên tòa hôm nay nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà Đ ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, hiện nay vợ chồng hiện đã ly thân được một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã T, huyện BC ngày 25/12/2017 về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Ngô Văn H là có mâu thuẫn hiện vợ chồng đã ly thân, do đó bà Đ yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét ông Ngô Văn H, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H vẫn không đến Tòa án làm việc, chứng tỏ ông H cũng không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay ông H vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Hiền.

[3.2]. - Xét yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Đ về việc được tiếp tục được nuôi cả hai con là trẻ Ngô Như Q, sinh ngày 14/9/2007; trẻ Ngô Xuân Đ, sinh ngày 16/11/2012 là có cơ sở chấp nhận. Việc nuôi dưỡng con là trách nhiệm của cả cha và mẹ, tuy nhiên hiện cả hai con chung đang được mẹ ruột là bà Đ nuôi dưỡng chăm sóc đã ổn định, mặc khác bà Đ trình bày hiện đang làm việc nhận may gia công tại nhà thuận tiện và có điều kiện chăm sóc con nên việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ, do đó việc bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông Điệp cấp dưỡng nuôi con.

- Xét về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Bà Đ xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3]. - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Ngọc Đ phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030647,ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với ông Ngô Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 120/2014, quyển số 95, quyển số 01/2006 ngày 14/07/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Ngô Như Q, sinh ngày 14/9/2007; trẻ Ngô Xuân Đ, sinh ngày 16/11/2012.

- Giao cả hai con chung là trẻ Ngô Như Q và trẻ Ngô Xuân Đ, cho mẹ ruột là bà Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Ngọc Đ nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0030647,ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Ngô Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi Nhận*:**
- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- CCTHA DS H. BC;
- UBND xã T, H. BC, Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Lại Phước Trường